

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO 02

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 của Quốc hội phê chuẩn Nghị định thư về việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.

Điều 1. Sửa đổi khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 4 Điều 3

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam được quy định tại Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14.”

2. Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu được quy định tại Điều 28 của Luật Thương mại số 36/2005/QH11.”

3. Bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu được quy định tại Nghị định số 09/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật thương mại và Luật Quản lý ngoại thương về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và bãi bỏ khoản 5 Điều 5

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên về hải quan, thuế, quản lý ngoại thương, giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu; công bố tiêu chuẩn áp dụng; quy chuẩn kỹ thuật và đánh giá sự phù hợp; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đo lường đối với phương tiện đo, chuẩn đo lường, phép đo và hàng đóng gói sẵn; nhãn hàng hóa, truy xuất nguồn gốc; an toàn thực phẩm, kiểm dịch động vật, thực vật và quy định quản lý chuyên ngành khác có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.”

2. Bãi bỏ khoản 5.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6

“Điều 6. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (sau đây gọi là cơ quan cấp phép).”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 9

“1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, trong thời hạn đó, cơ quan cấp phép phải thông báo cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan cấp phép phải thông báo cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12

“3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị bằng văn bản và hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp phép thực hiện sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy

chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.”

Điều 6. Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 13

Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 13.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và bổ sung khoản 3a Điều 18

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Bộ Công Thương chịu trách nhiệm hướng dẫn thủ tục đăng ký thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu; tổng hợp trên phạm vi toàn quốc việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu theo quy định tại Nghị định này.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thủ tục hải quan, thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam.”

3. Bổ sung khoản 3a như sau:

“3a. Cơ quan cấp phép có trách nhiệm:

a) Thông báo đến Cục Hải quan, Cục Thuế và Bộ Công Thương về việc cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu;

b) Định kỳ báo cáo, cập nhật dữ liệu về tình hình cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và tình hình xuất khẩu, nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam về Bộ Công Thương để tổng hợp, quản lý thống nhất trên phạm vi toàn quốc.”

Điều 8. Thay thế một số cụm từ tại một số điều, khoản, điểm

1. Thay thế cụm từ “Bộ Thương mại” bằng cụm từ “Bộ Công Thương” tại khoản 2 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 8, điểm a và điểm b khoản 2 Điều 13.

2. Thay thế cụm từ “Bộ Thương mại” bằng cụm từ “cơ quan cấp phép” tại khoản 4 Điều 5 và điểm c khoản 2 Điều 15.

3. Thay thế cụm từ “cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu” bằng cụm từ “cơ quan cấp phép” tại khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 14 và khoản 3 Điều 14.

4. Thay thế cụm từ “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” bằng cụm từ “Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu” tại điểm d khoản 2 Điều 15.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 202...
2. Bãi bỏ Điều 33 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.
3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu trong Nghị định này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung.

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đã được cấp cho thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành tiếp tục có giá trị đến hết thời hạn ghi trong Giấy chứng nhận.
2. Hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu đã được cơ quan cấp phép tiếp nhận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ; không yêu cầu thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam nộp lại hồ sơ.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (02b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

(Chữ ký, dấu)

Lê Minh Hưng